

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 24/.../2012

Ibaneuron Extra

SDK (Reg.No):
Cao bạch quả (Ginkgo biloba Ext)80mg
Vitamin B125mg
Vitamin B625mg
Vitamin B25mg
Vitamin PP10mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f1 viên/ softgel
SX tại: TT & PP biệt: CTCP TM.D.P QUỐC TẾ
HATAPHAR - GMP - WHO

Ibaneuron Extra

SDK (Reg.No):
Cao bạch quả (Ginkgo biloba Ext)80mg
Vitamin B125mg
Vitamin B625mg
Vitamin B25mg
Vitamin PP10mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f1 viên/ softgel
SX tại: TT & PP biệt: CTCP TM.D.P QUỐC TẾ
Số lô SX: HD:

Ibaneuron Extra Ibaneuron Extra Ibaneuron Extra

M.S.D.N: 0500391400 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
HÀ TÂY
P. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

Sản xuất tại/ Manufactured by:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/
HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C
La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội/
La Khê - Hà Đông - Hà Nội City
Tiếp thị và Phân phối bởi:
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL TRADING JSC
Nhà số 18 (G14) ngách 23, ngõ 34, đường Nguyễn Hồng
Lãng Hà, Đống Đa, TP. Hà Nội

SDK (Reg.No):
Số lô SX (Lot.No):
Ngày SX (Mfg.date):
HD (Exp. Date):

Ibaneuron Extra
Box of 2 blisters of 15 softgels
GMP-WHO
HATAPHAR

Thành phần/ Composition:
Cao bạch quả (Ginkgo biloba Ext)80mg
Vitamin B125mg
Vitamin B625mg
Vitamin B25mg
Vitamin PP10mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f1 viên/ softgel
Tiêu chuẩn áp dụng/ Specifications:
TCCS/ Manufactured's.

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng:
Indication, Contraindications, Dosage - Administration:
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/
See accompanying product insert inside.
Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/
Storage in dry place, below 30°C.
Để xa tầm tay trẻ em/ Keep out of reach of children
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng/ Carrefully
read the accompanying instruction before used.

Ibaneuron Extra

Ibaneuron Extra
Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm
GMP-WHO
HATAPHAR

Ibaneuron Extra

BỘ Y
CỤC QUẢN
ĐÃ PHÊ
Lần đầu:.....

Hướng dẫn sử dụng thuốc

IBANEURON EXTRA

- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm.
- **Qui cách đóng gói:** Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm.
- **Thành phần:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Cao bạch quả	80mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	10mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCL)	25mg
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	25mg
Vitamin B ₂ (Riboflavin)	5mg
Tá dược vđ	viên



(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, dầu cọ, sáp ong trắng, lecithin, gelatin, glycerin, dung dịch sorbitol 70%, nipagin, nipasol, ethyl vanilin, phẩm màu perpermin E 140, phẩm màu patentblue V).

- **Chỉ định:**

- Bổ sung các vitamin trong một số trường hợp như suy nhược cơ thể, người mới ốm dậy, kém ăn, mất ngủ.
- Hỗ trợ điều trị một số bệnh lý rối loạn vận mạch như:
 - + Suy tuần hoàn như giảm trí nhớ, mất khả năng tập trung.
 - + Suy tuần hoàn ngoại biên như hội chứng Raynaud, chứng di cách hồi, bệnh Buerger.
 - + Rối loạn thần kinh giác quan: ù tai, chóng mặt, hoa mắt, giảm thính lực. Thiếu máu và rối loạn vồng mạc ở người già.

- **Cách dùng và liều dùng:** Uống mỗi lần 1 viên x 1- 2 lần/ngày. Uống vào trước các bữa ăn hoặc theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc.

- **Chống chỉ định:**

Người bị quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

Trẻ em dưới 12 tuổi. Giai đoạn cấp của tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim cấp, hạ huyết áp.

- **Thận trọng:**

* **Cao bạch quả:** Thuốc không phải là thuốc chống cao huyết áp vì vậy không thể thay thế cho các thuốc cao huyết áp đặc hiệu được, phụ nữ có thai và cho con bú.

* **Vitamin B₆:** Sau thời gian dài dùng vitamin B₆ với liều 200mg/ ngày, có thể thấy các biểu hiện độc tính thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi nặng và bệnh thần kinh cảm giác nặng). Dùng liều 200mg vitamin B₆/ ngày kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc pyridoxin.

* **Vitamin PP:** Thận trọng khi dùng vitamin PP liều cao cho những trường hợp sau: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, viêm khớp do gút và bệnh đái tháo đường.

* **Vitamin B₂:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, khi ngừng thuốc sẽ hết.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú:** Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:** Có thể gây rối loạn tiêu hoá, nhức đầu, dị ứng da, hạ huyết áp, đánh trống ngực.

* **Vitamin B₆:** Dùng liều 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ ngón chân không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. Hiếm gặp: nôn, buồn nôn.

* **Vitamin PP:** Liều nhỏ vitamin PP thường không độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao (trong trường hợp điều trị bệnh pellagra), có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, những tác dụng phụ này sẽ hết khi ngừng thuốc.

+ **Thường gặp:** Tiêu hoá (Buồn nôn); Khác (Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buồn hoặc đau nhói ở da).

+ **Ít gặp:** Tiêu hoá (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hoá (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Khác (Tăng glucose huyết, tăng acid uric huyết, cơn phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất).

+ **Hiếm gặp:** Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường (bao gồm tăng bilirubin huyết thanh, tăng [AST (SGOP), ALT (SGPT) và LDH], thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ

* **Vitamin B₂:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, gây sai lệch đối với một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm; khi ngừng thuốc sẽ hết.

* **Ghi chú:** "Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".

- **Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

* **Vitamin B₆:** Không dùng cùng với Levodopa vì Vitamin B₆ kích thích dopadecarboxylase ngoại vi. Không nên dùng đồng thời với thuốc chống đông máu hoặc aspirin. Thuốc hấp thu tốt ở phần trên đường tiêu hoá, dùng thuốc vào bữa ăn đảm bảo hấp thu thuốc nhanh và hoàn toàn vì thuốc lưu lại lâu ở đường tiêu hoá.

* **Vitamin B₂:** Không uống thuốc với rượu và các chế phẩm có chứa ethanol, probenecid vì có thể gây cản trở hấp thu vitamin B₂ ở ruột và dạ dày.

* **Vitamin PP:** Không dùng đồng thời với các thuốc chẹn alpha-adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức. Khẩu phần ăn hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP. Sử dụng thuốc đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- **Sử dụng quá liều:** Chưa có tài liệu báo cáo

- **Hạn dùng:** 36 tháng tính từ ngày sản xuất. **Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng.**

* **Lưu ý:** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, dính nang, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- **Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- **Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM

**"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"**

THUỐC SẢN XUẤT TẠI: CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

La Khê - Hà Đông- TP. Hà Nội

ĐT: 04.33522203. FAX: 04.33522203

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

DS. *Nguyễn Bá Lai*

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thanh